TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ V** **TỈNH V**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 06/2020/QĐST-HNGĐ	*V, ngày 31 tháng 01 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH V

Căn cứ vào khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTV- QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 08/2020/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người có đơn yêu cầu: Anh Hoàng Văn M, sinh năm 1980 và chị Nguyễn Thị U, sinh năm 1981; đều trú tại: Khu tập thể Khách sạn V, đường L, phường Đ, thành phố V, tỉnh V.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 01 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Hoàng Văn M và chị Nguyễn Thị U.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị U được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục cháu Hoàng Thị Thu H, sinh ngày 16/4/2006 và cháu Hoàng Thu T, sinh ngày 15/11/2018, Anh Hoàng Văn M tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng)/ 1 cháu/ 1 tháng. Thời gian cấp

dưỡng tính từ tháng 02/2020 cho đến khi các cháu Hoàng Thị Thu H và cháu Hoàng Thu T lần lượt đủ 18 tuổi.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền nêu trên người phải thi hành án không trả được thì các bên có quyền thỏa thuận lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Nếu các bên không thỏa thuận được thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự và luật sửa đổi một số điều của luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Các đương sự thỏa thuận chị Nguyễn Thị U tự nguyện nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: AA/2017/0006681 ngày 07/01/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh V. Chị U đã nộp đủ lệ phí việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- *VKSND thành phố V;*
- *Chi cục THA V;*
- *UBND phường Đ,*
Thành phố V, tỉnh V (ĐKKH năm 2005);
- *Các đương sự;*
- *Lưu HSVA, VP.*

THẨM PHÁN

Lê Nữ Hương Huyền